

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**LÊ MAI TUYỀN**

**KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG**  
**TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH,**  
**CHI NHÁNH QUẢNG NAM**

**Chuyên ngành: Tài chính và Ngân hàng**

**Mã số: 60.34.20**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng - Năm 2015**

**Công trình được hoàn thành tại**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Lâm Chí Dũng**

Phản biện 1: TS. Đặng Tùng Lâm

Phản biện 2: TS. Trần Ngọc Sơn

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 14 tháng 8 năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngân hàng TMCP An Bình là một ngân hàng nhỏ và chưa mấy tiếng tăm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Thời gian qua ngân hàng đã phải cố gắng rất nhiều để tìm được chỗ đứng và uy tín trong lòng khách hàng. Để đạt được mục tiêu đó, đôi khi ngân hàng đã bỏ qua những tiêu chuẩn về an toàn trong hoạt động cấp tín dụng để mở rộng doanh số. Dẫn đến mức độ rủi ro tín dụng của ngân hàng vẫn đang ở mức cao. Và cũng như các ngân hàng thương mại khác, trong hoạt động cho vay thì khách hàng doanh nghiệp là đối tượng khách hàng trọng tâm và chiếm tỷ trọng cao trong tổng dư nợ cho vay. Chính vì thế tác giả đã lựa chọn đề tài ***“Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng thương mại cổ phần An Bình, chi nhánh Quảng Nam”*** để làm luận văn tốt nghiệp cao học của mình.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa và làm sáng tỏ những lý luận chung về rủi ro tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng doanh nghiệp của ngân hàng thương mại.

- Phân tích thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng TMCP An Bình chi nhánh Quảng Nam.

- Đề xuất các giải pháp nhằm kiểm soát tốt hơn rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng doanh nghiệp tại ngân hàng TMCP An Bình chi nhánh Quảng Nam.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- **Đối tượng nghiên cứu:** Lý luận và thực tiễn hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng TMCP An Bình chi nhánh Quảng Nam.

- **Phạm vi nghiên cứu:** Hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại ngân hàng TMCP An Bình chi nhánh Quảng Nam trong 3 năm 2012-2014.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình thực hiện luận văn, tác giả chủ yếu sử dụng các phương pháp sau: phương pháp thống kê - phân tích - tổng hợp số liệu, phương pháp điều tra, khảo sát và phỏng vấn sâu, phương pháp quy nạp và diễn dịch, phương pháp nghiên cứu tài liệu.

### **5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

Đề tài đã hệ thống hóa một cách cô đọng và logic về những lý luận liên quan đến vấn đề kiểm soát rủi ro trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại. Bên cạnh đó đề tài đã đóng góp được một số giải pháp thiết thực, phù hợp với tình hình thực tế của ngân hàng TMCP An Bình chi nhánh Quảng Nam.

### **6. Kết cấu đề tài**

Đề tài gồm 3 phần:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại

Chương 2: Thực trạng hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng TMCP An Bình chi nhánh Quảng Nam

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng TMCP An Bình chi nhánh Quảng Nam.

## **7. Tổng quan tài liệu**

Đề tài về rủi ro tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng trong hệ thống ngân hàng thương mại luôn luôn là đề tài tranh luận sôi nổi từ nhiều năm nay. Có rất nhiều tác giả cũng đã nghiên cứu về vấn đề này. Một số bài viết đáng chú ý mà tác giả đã tham khảo trong quá trình làm luận văn đó là:

Luận văn “*Giải pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn quận Sơn Trà – thành phố Đà Nẵng*” (Đại học Đà Nẵng - 2012) của tác giả Lương Khắc Trung.

Luận văn “*Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng*” (Đại học Đà Nẵng - 2013) của tác giả Lê Viết Mười.

Luận văn “*Hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng tại chi nhánh ngân hàng TMCP Công thương – Bắc Đà Nẵng*” (Đại học Đà Nẵng - 2013) của tác giả Đào Thị Thanh Thủy.

# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

### 1.1. TỔNG QUAN VỀ RỦI RO TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

#### 1.1.1. Một số khái niệm về rủi ro tín dụng

##### *a. Khái niệm rủi ro*

Rủi ro có thể được hiểu là khả năng xảy ra các sự kiện và mức thiệt hại có thể phải gánh chịu nếu như sự kiện đó xảy ra.

##### *b. Khái niệm rủi ro tín dụng*

Về mặt lý luận: Rủi ro tín dụng là rủi ro mà các dòng tiền được hẹn trả theo hợp đồng (tiền lãi, tiền gốc hoặc cả hai) từ các khoản cấp tín dụng và các chứng khoán đầu tư sẽ không được trả đầy đủ và đúng hạn.

Về mặt pháp lý thì ở khoản 1, điều 2, quyết định 493/QĐ-NHNN của thống đốc NHNN Việt Nam có đưa ra khái niệm: Rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

#### 1.1.2. Phân loại rủi ro tín dụng

##### *a. Dựa theo phạm vi tác động của rủi ro*

- Rủi ro tín dụng đặc thù
- Rủi ro tín dụng hệ thống

##### *b. Dựa theo nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng*

- Rủi ro giao dịch

- Rủi ro danh mục

### **1.1.3. Đặc điểm của rủi ro tín dụng**

- Rủi ro tín dụng là rủi ro quan trọng nhất trong các loại rủi ro của ngân hàng thương mại.

- Rủi ro tín dụng là biểu hiện tập trung nhất của sự đánh đổi rủi ro – sinh lời.

- Rủi ro tín dụng là tất yếu trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

### **1.1.4. Nguyên nhân của rủi ro tín dụng**

Nếu nói đến nguyên nhân của rủi ro tín dụng thì có rất nhiều nguyên nhân khác nhau. Thế nhưng hầu hết các rủi ro tín dụng đều xuất phát từ một nguyên nhân chung, đó là tình trạng thông tin bất đối xứng. Đây là nguyên nhân sâu xa, là bản chất của rủi ro tín dụng.

### **1.1.5. Hậu quả của rủi ro tín dụng**

#### ***a. Hậu quả đối với bản thân ngân hàng thương mại***

- Giảm thu nhập thuần của ngân hàng
- Giảm uy tín của ngân hàng
- Giảm khả năng thanh toán của ngân hàng

#### ***b. Hậu quả đối với nền kinh tế***

### **1.1.6. Quản trị rủi ro tín dụng trong ngân hàng thương mại**

- Quản trị rủi ro tín dụng chính là việc ngân hàng thực hiện các nguyên tắc, các kỹ thuật quản trị rủi ro đối với rủi ro tín dụng của ngân hàng thương mại.

- Mục tiêu quản trị rủi ro trong kinh doanh của ngân hàng thương mại: tối thiểu hóa chi phí quản trị rủi ro và tối đa hóa khả năng giảm thiểu tác động bất lợi của rủi ro.

- Các nguyên tắc quản trị rủi ro trong ngân hàng: thường xuyên cân nhắc giữa chi phí – lợi ích, các chiến lược quản trị rủi ro khả thi

là các chiến lược phù hợp với nguồn lực của ngân hàng, phân cấp quyết định quản trị rủi ro phù hợp, kết hợp quản trị rủi ro với toàn bộ các quyết định khác.

- Quá trình quản trị rủi ro bao gồm các công đoạn sau: nhận dạng rủi ro, đánh giá rủi ro, kiểm soát rủi ro, tài trợ rủi ro.

## **1.2. HOẠT ĐỘNG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

**1.2.1. Hoạt động cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại**

### **1.2.2. Các phương thức cho vay doanh nghiệp**

- Cho vay từng lần
- Cho vay theo HMTD
- Cho vay theo dự án đầu tư
- Cho vay trả góp

### **1.2.3. Vai trò của vốn vay ngân hàng đối với doanh nghiệp**

- Vốn kinh doanh là yếu tố tiền đề của mọi quá trình đầu tư.
- Vốn vay ngân hàng góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.
- Vốn vay ngân hàng góp phần hình thành cơ cấu vốn tối ưu cho doanh nghiệp.

## **1.3. KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

### **1.3.1. Khái niệm kiểm soát rủi ro tín dụng**

Kiểm soát rủi ro tín dụng là ngân hàng thương mại sử dụng các biện pháp, công cụ, chiến lược và những quá trình nhằm biến đổi rủi ro tín dụng tại một ngân hàng về tần suất và mức độ của rủi ro.



### **1.3.2. Đặc trưng của kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp**

- Tỷ trọng cho vay khách hàng doanh nghiệp thường cao hơn cho vay khách hàng cá nhân. Quy mô mỗi món vay cũng cao hơn.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh sử dụng vốn vay ngân hàng của các doanh nghiệp thường đối diện với nhiều rủi ro hơn so với khách hàng cá nhân.

- Thứ ba là tài sản đảm bảo của khách hàng doanh nghiệp thông thường lại là hàng tồn kho, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, kho bãi, nhà xưởng...Mà những loại tài sản này lại rất dễ bị hư hỏng, thất thoát và đặc biệt rất dễ rớt giá trên thị trường.

Do đó ngân hàng cần phân bổ nguồn lực đối với kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng doanh nghiệp sao cho phù hợp.

### **1.3.3. Mục tiêu kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp**

- Tạo lập một danh mục tín dụng hợp lý, có khả năng sinh lời cao, ít rủi ro.

- Tạo sự chủ động, nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cán bộ tín dụng.

- Thực hiện thống nhất, minh bạch các khâu trong quy trình cho vay, có các quy định hợp lý về cơ cấu, tỷ lệ cho vay.

- Đảm bảo phản ánh minh bạch, chính xác chất lượng danh mục tín dụng, trích đủ dự phòng để bù đắp đủ các rủi ro phát sinh trong quá trình cho vay.

- Giảm thiểu thiệt hại từ rủi ro tín dụng mang lại cho ngân hàng ở mức thấp nhất.

### **1.3.4. Các phương thức kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp**

#### ***a. Né tránh rủi ro***

- Là việc né tránh những đối tượng, những hoạt động hoặc những nguyên nhân làm phát sinh rủi ro.

- Các biện pháp cụ thể:

+ Thẩm định tín dụng

+ Xếp hạng tín dụng nội bộ

+ Lĩnh vực, ngành nghề hạn chế và ưu tiên cho vay

#### ***b. Ngăn ngừa rủi ro***

- Là các hoạt động của ngân hàng thương mại nhằm ngăn ngừa khả năng xảy ra rủi ro tín dụng.

- Các biện pháp cụ thể:

+ Xếp hạng tín dụng định kỳ

+ Tài sản đảm bảo

+ Quy định về tỷ lệ vốn tự có tham gia của doanh nghiệp đối với PASXKD/DAĐT

+ Thẩm quyền phê duyệt tín dụng

#### ***c. Giảm thiểu rủi ro***

- Đây là phương thức nhằm giảm thiểu mức độ thiệt hại do rủi ro tín dụng mang lại nếu như nó thực sự xảy ra.

- Các biện pháp cụ thể:

+ Tài sản đảm bảo.

+ Định giá khoản vay

+ Sử dụng điều khoản của hợp đồng tín dụng

+ Trích lập dự phòng rủi ro

#### ***d. Chuyển giao rủi ro***

- Chuyển giao rủi ro là chuyển giao sự bất định để ổn định hóa

dòng tiền. Bằng cách tạo ra nhiều chủ thể cùng gánh chịu một rủi ro.

- Các biện pháp cụ thể:

+ Mua bảo hiểm

+ Chứng khoán hóa

+ Công cụ phái sinh

**1.3.5. Các tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng**

*a. Sự cải thiện cơ cấu nhóm nợ*

*b. Tỷ lệ nợ nhóm 2 đến nhóm 5*

*c. Tỷ lệ nợ xấu*

*d. Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng*

*e. Tỷ lệ xóa nợ ròn*

*f. Lãi treo*

**1.3.6. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng**

*a. Nhân tố bên trong ngân hàng*

- Nguồn nhân lực

- Công nghệ

- Khả năng tài chính

*b. Nhân tố bên ngoài ngân hàng*

- Môi trường kinh tế

- Môi trường pháp lý

- Môi trường thông tin

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH CHI NHÁNH QUẢNG NAM**

#### **2.1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH CHI NHÁNH QUẢNG NAM**

**2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển**

**2.1.2. Cơ cấu tổ chức**

**2.1.3. Tình hình hoạt động kinh doanh giai đoạn 2012-2014**

#### **2.2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH CHI NHÁNH QUẢNG NAM**

**2.2.1. Những đặc điểm của chi nhánh ảnh hưởng đến hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp**

*a. Môi trường kinh doanh*

*b. Khả năng tài chính của ABBank Việt Nam*

*c. Chính sách tín dụng của ABBank Việt Nam*

*d. Tổ chức quản lý rủi ro tín dụng*

- Đối với ABBank Việt Nam

- Đối với ABBank chi nhánh Quảng Nam

**2.2.2. Thực trạng cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh giai đoạn 2012-2014**

**Bảng 2.2. Tình hình cho vay doanh nghiệp của ABBank chi nhánh Quảng Nam giai đoạn 2012-2014**

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Tốc độ tăng giảm (%)	
				2013/2012	2014/2013
Dư nợ cho vay doanh nghiệp	187,76	201,43	218,01	7,3	8,2
Tỷ trọng trong tổng dư nợ cho vay (%)	81	79	76	-2	-3
Nợ xấu cho vay doanh nghiệp	5,45	5,44	5,01	-0,01	-0,43
Tỷ lệ nợ xấu cho vay DN (%)	2,9	2,7	2,3	-0,2	-0,4

(Nguồn: phòng tín dụng ABBank Quảng Nam)

### **2.2.3. Các biện pháp chi nhánh đã thực hiện để kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp giai đoạn 2012-2014**

#### **a. Đối với phương thức né tránh rủi ro**

- Thẩm định tín dụng
- + Thẩm định về uy tín của doanh nghiệp vay vốn.
- + Thẩm định tình hình tài chính thông qua phân tích các báo cáo tài chính của doanh nghiệp.
- + Thẩm định PASXKD/DAĐT.

Công tác thẩm định tín dụng tại chi nhánh được thực hiện theo đúng quy trình, phát huy được vai trò đánh giá sàng lọc khách hàng. Tuy nhiên vẫn chưa sàng lọc được số liệu do khách hàng cung cấp.

- Xếp hạng tín dụng

Hiện tại ABBank đang sử dụng phần mềm chấm điểm và xếp hạng tín dụng được phát triển bởi Trung tâm công nghệ thông tin ngân hàng TMCP An Bình, tuân thủ đúng theo quy định của NHNN về xếp hạng tín dụng và được NHNN phê duyệt. Tuy nhiên bộ tiêu

chỉ chấm điểm xếp hạng còn đơn giản, chưa mang tính sâu sắc và bao quát. Nên kết quả xếp hạng tín dụng có độ tin cậy thấp.

- Ngành nghề ưu tiên cho vay

ABBank Quảng Nam chỉ tập trung vào cho vay ngành điện, thương mại và dịch vụ. Tuy nhiên đối với biện pháp này do chi nhánh xử lý chưa tốt nên không đảm bảo yếu tố đa dạng hóa đối với danh mục cho vay.

***b. Đối với phương thức ngăn ngừa rủi ro***

- Xếp hạng tín dụng định kỳ

Việc xếp hạng tín dụng định kỳ như là một động tác nhằm ngăn ngừa những rủi ro tín dụng có thể xảy ra mà ngân hàng không lường trước hết được. Tuy nhiên vẫn còn thái độ lơ là thiếu trách nhiệm của một số cán bộ tín dụng khi thực hiện biện pháp này.

- Tài sản đảm bảo

Chi nhánh ABBank Quảng Nam ban hành những quy định về tài sản đảm bảo tương ứng với xếp hạng tín dụng của khách hàng và tương ứng với từng loại tài sản đảm bảo.

- Quy định về vốn tự có tham gia của doanh nghiệp đối với PASXKD/DAĐT

Doanh nghiệp thuộc hạng AAA đến A vay ngắn hạn vốn tự có tham gia là 0%, vay trung dài hạn vốn tự có tham gia lần lượt 20%, 25%, 30%. Đối với doanh nghiệp thuộc hạng BBB đến B vay ngắn hạn vốn tự có tham gia là 30%, vay trung dài hạn vốn tự có tham gia lần lượt 35%, 40%, 50%. Việc quy định về vốn tự có tham như trên của ngân hàng TMCP An Bình là quá cứng nhắc, chưa cụ thể.

- Thẩm quyền phê duyệt tín dụng

Chi nhánh ABBank Quảng Nam chỉ được cấp thẩm quyền phê duyệt tín dụng đến tối đa là 100 triệu đồng. Vượt con số đó thì phải

chuyển hồ sơ cho Khối quản lý tín dụng tại hội sở để xử lý.

***c. Đối với phương thức giảm thiểu rủi ro***

- Tài sản đảm bảo

Thẩm định tài sản đảm bảo chính xác trước khi quyết định cho vay. Yêu cầu doanh nghiệp mua bảo hiểm cho tài sản đảm bảo. Định kỳ đánh giá lại tài sản đảm bảo trong suốt thời hạn cho vay. Đẩy nhanh tiến độ thanh lý tài sản đảm bảo khi xử lý rủi ro tín dụng. Tuy nhiên chi nhánh chỉ có một chuyên viên chuyên trách làm công tác này, khối lượng công việc nhiều, dẫn đến còn rất nhiều hạn chế.

- Định giá khoản vay

Các nhân viên quan hệ khách hàng tại ABBank được phép linh động lãi suất trong một biên độ quy định khi thỏa thuận với các doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn.

- Sử dụng điều khoản của hợp đồng tín dụng

- Trích lập dự phòng rủi ro

***d. Đối với phương thức chuyển giao rủi ro***

- Mua bảo hiểm

Đối với một số khách hàng có chất lượng tín dụng thấp nhưng mong muốn được vay vốn thì chi nhánh tư vấn để khách hàng mua bảo hiểm cho khoản vay để được ngân hàng chấp thuận cho vay.

**2.2.4. Kết quả hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh giai đoạn 2012-2014**

***a. Biến động cơ cấu nhóm nợ***

***b. Tỷ lệ nợ nhóm 2 đến nhóm 5 và tỷ lệ nợ xấu***

**Bảng 2.7. Tỷ lệ nợ nhóm 2 đến nhóm 5 và tỷ lệ nợ xấu trong cho vay doanh nghiệp của ABBank chi nhánh Quảng Nam giai đoạn 2012-2014** Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Tốc độ tăng giảm (%)	
				2013/2012	2014/2013
Dư nợ cho vay doanh nghiệp	187,76	201,43	218,01	7,3	8,2
Nợ xấu	5,45	5,44	5,01		
<b>Tỷ lệ nợ xấu (%)</b>	<b>2,9</b>	<b>2,7</b>	<b>2,3</b>	<b>-0,2</b>	<b>-0,4</b>
Nợ nhóm 2 đến nhóm 5	8,62	8,86	9,37		
<b>Tỷ lệ nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5 (%)</b>	<b>4,6</b>	<b>4,4</b>	<b>4,3</b>	<b>-0,2</b>	<b>-0,1</b>

(Nguồn: phòng tín dụng ABBank Quảng Nam)

Tỷ lệ nợ xấu đã giảm từ 2,9% xuống còn 2,7% và 2,3% qua các năm. Tỷ lệ nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5 cũng giảm lần lượt là 4,6%, 4,4%, 4,3%.

**c. Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng**

**Bảng 2.8. Tỷ lệ trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng xử lý rủi ro trong cho vay doanh nghiệp của ABBank chi nhánh Quảng Nam giai đoạn 2012-2014**

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Tốc độ tăng giảm (%)	
				2013/2012	2014/2013
Dư nợ cho vay doanh nghiệp	187,76	201,43	218,01	7,3	8,2
Trích lập dự phòng rủi ro	2,42	2,90	3,31	0,48	0,41
<b>Tỷ lệ DPRR/Dư nợ (%)</b>	<b>1,29</b>	<b>1,44</b>	<b>1,52</b>	<b>0,15</b>	<b>0,08</b>
Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro	0,78	0,76	0,60	-0,02	-0,16
<b>Tỷ lệ XLRR/DPRR (%)</b>	<b>32,2</b>	<b>26,2</b>	<b>18,1</b>	<b>-6,0</b>	<b>-8,1</b>

(Nguồn: phòng tín dụng ABBank Quảng Nam)



Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro tăng dần qua các năm từ 1,29% năm 2012 đến 1,44% năm 2013 và đến 1,52% năm 2014. Thế nhưng tỷ lệ sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro lại giảm qua các năm lần lượt là 32,2%, 26,2% và 18,1%. Điều này cho thấy rủi ro trong cho vay doanh nghiệp tại chi nhánh đã giảm đáng kể.

#### *d. Tỷ lệ xóa nợ rỗng*

**Bảng 2.9. Tỷ lệ xóa nợ rỗng cho vay doanh nghiệp của ABBank chi nhánh Quảng Nam giai đoạn 2012-2014**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Tốc độ tăng giảm (%)	
				2013/2012	2014/2013
Xóa nợ rỗng cho vay DN	0,54	0,64	0,42	0,10	-0,22
Dư nợ cho vay DN	187,76	201,43	218,01		
<b>Tỷ lệ xóa nợ rỗng (%)</b>	<b>0,29</b>	<b>0,32</b>	<b>0,19</b>	<b>0,03</b>	<b>-0,13</b>

*(Nguồn: phòng tín dụng ABBank Quảng Nam)*

Tỷ lệ xóa nợ rỗng tăng nhẹ năm 2013 từ 0,29% lên 0,32%, nhưng giảm mạnh vào năm 2014 còn 0,19%. Cho thấy tổn thất trong cho vay doanh nghiệp đã giảm qua các năm.

#### *e. Lãi treo*

**Bảng 2.10. Lãi treo trong cho vay doanh nghiệp của ABBank chi nhánh Quảng Nam giai đoạn 2012-2014**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Tốc độ tăng giảm (%)	
				2013/2012	2014/2013
<b>Lãi treo phát sinh</b>	<b>7,25</b>	<b>6,46</b>	<b>5,26</b>	<b>-10,9</b>	<b>-18,6</b>
Lãi treo thu được	2,83	4,24	3,24	49,8	-23,6
<b>Lãi treo tồn đọng</b>	<b>4,42</b>	<b>2,22</b>	<b>2,02</b>	<b>-49,8</b>	<b>-9,0</b>

*(Nguồn: phòng tín dụng ABBank Quảng Nam)*

Lãi treo tồn đọng qua các năm đã giảm đáng kể từ 4,42 tỷ đồng năm 2012 xuống còn 2,22 tỷ đồng năm 2013 và còn 2,02 tỷ đồng năm 2014. Điều này chứng tỏ tồn thất từ lãi của hoạt động cho vay doanh nghiệp đã giảm khá rõ, rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp đã được kiểm soát.

### **2.3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH CHI NHÁNH QUẢNG NAM**

#### **2.3.1. Thành công**

- Hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ABBank Quảng Nam đã bước đầu đạt được những mục tiêu đề ra.

- Các biện pháp kiểm soát rủi ro tín dụng được chi nhánh áp dụng rất đa dạng, linh hoạt, và hầu hết đã phát huy được hiệu quả.

- Cơ cấu nhóm nợ được cải thiện, tỷ lệ nợ nhóm 2 đến nhóm 5 và tỷ lệ nợ xấu đều giảm qua các năm.

- Chi nhánh đã hoàn thành được hai nhiệm vụ tưởng chừng như đối nghịch với nhau đó là vừa tăng trưởng tín dụng nhưng vừa giảm thiểu rủi ro tín dụng.

- Có sự tách biệt rõ ràng giữa công tác kiểm soát rủi ro tín dụng với những phần việc còn lại của phòng tín dụng.

- Tuy rằng dự phòng là chi phí của ngân hàng nhưng chi nhánh đã trích dự phòng rủi ro đúng và đủ theo quy định của NHNN.

#### **2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế**

##### **a. Hạn chế**

- Tỷ lệ nợ nhóm 2 cho vay doanh nghiệp vẫn còn phát sinh tăng qua các năm.

- Tỷ lệ nợ xấu tuy có giảm nhưng chưa đánh giá được chính xác rủi ro tín dụng của ngân hàng.

- Công tác thẩm định tín dụng chưa có sự sàng lọc số liệu, chủ yếu dựa vào số liệu do khách hàng cung cấp.

- Kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ chưa thực sự đáng tin cậy, công tác này vẫn còn chung chung, làm theo những quy định của NHNN.

- Danh mục cho vay chưa được đa dạng nên còn tiềm ẩn nhiều rủi ro.

- Công tác định giá tài sản đảm bảo còn hạn chế, công tác xử lý tài sản đảm bảo còn chậm.

- Quy định về vốn tự có tham gia vào các PASXKD/DAĐT quá cứng nhắc, chưa cụ thể.

- Công tác giám sát sau khi cho vay còn hạn chế, chủ yếu là chỉ thực hiện đôn đốc, nhắc thời hạn nợ.

- Hợp đồng tín dụng vẫn còn mang tính chất hình thức, chưa phát huy được hiệu quả vốn có của nó.

- Về chuyển giao rủi ro chưa sử dụng các biện pháp mang tính hiện đại như chứng khoán hóa, công cụ phái sinh.

### ***b. Nguyên nhân của những hạn chế***

- Do đặc điểm kinh tế tại địa phương còn hạn chế, số lượng doanh nghiệp ít, đa phần là những doanh nghiệp quy mô nhỏ, hoạt động chưa hiệu quả.

- Môi trường cạnh tranh quá gay gắt trên địa bàn tỉnh khiến cho ABBank Quảng Nam vẫn chưa chú trọng đúng mức đến công tác kiểm soát rủi ro tín dụng.

- Môi trường thông tin còn thiếu và khó kiểm chứng, công tác kiểm tra, xác minh thông tin của khách hàng còn nhiều khó khăn.

- Do chi nhánh mới thành lập, quy mô còn nhỏ, môi trường cạnh tranh cao, nợ xấu tồn đọng từ những năm trước quá nhiều dẫn đến việc kiểm soát thành công rủi ro tín dụng phải được xem xét trong dài hạn.

- Chi nhánh chủ yếu sử dụng các biện pháp tình thế như dự phòng rủi ro, tài sản đảm bảo...Còn giải pháp mang tính chiến lược, gốc rễ như thẩm định tín dụng, chấm điểm xếp hạng tín dụng thì chưa được thực hiện một cách bài bản và hiệu quả.

- Quá tin tưởng và y lại vào tài sản đảm bảo.

- Công tác quản trị điều hành còn hạn chế.

- Nhân sự của chi nhánh còn quá mỏng, đặc biệt là tại phòng tín dụng.

- Bộ phận quản lý rủi ro chưa thực sự phát huy được hiệu quả.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

### CHƯƠNG 3

## GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH CHI NHÁNH QUẢNG NAM

### 3.1. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH CHI NHÁNH QUẢNG NAM

**3.1.1. Định hướng chung về cho vay doanh nghiệp của chi nhánh**

**3.1.2. Định hướng hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của chi nhánh**

### 3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH CHI NHÁNH QUẢNG NAM

#### **3.2.1. Hoàn thiện phương thức né tránh rủi ro**

##### ***a. Hoàn thiện quy trình thẩm định tín dụng***

- Công tác thu thập thông tin về khách hàng phải đầy đủ, chính xác. Kiểm tra tính chính xác của các báo cáo tài chính do doanh nghiệp nộp lên. Đối với các doanh nghiệp lớn, chi nhánh yêu cầu báo cáo tài chính phải được kiểm toán trước khi nộp cho ngân hàng.

- Cán bộ tín dụng tuyệt đối không giảm bớt điều kiện cấp tín dụng cho khách hàng.

- Thực hiện đầy đủ và đúng các bước trong quy trình thẩm định tín dụng.

##### ***b. Nâng cao hiệu quả chấm điểm xếp hạng tín dụng***

- Nguồn thông tin đầu vào phải được sàng lọc kỹ càng.

- Việc xếp hạng tín dụng phải mang tính thực chất, xây dựng lại bộ tiêu chí chấm điểm chính xác và hiệu quả hơn.

***c. Tăng cường phân tán rủi ro danh mục cho vay***

- Phân tán về ngành nghề cho vay.

- Phân tán về doanh nghiệp vay vốn.

- Phân tán về sản phẩm cho vay.

- Tận dụng hình thức cho vay đồng tài trợ.

- Bộ phận quản lý rủi ro của chi nhánh cần xây dựng một danh mục cho vay hợp lý. Để từ đó định hướng cho các nhân viên quan hệ khách hàng phát triển tín dụng một cách an toàn và hiệu quả trong thời gian đến.

***d. Quy định về giới hạn rủi ro đối với cho vay khách hàng doanh nghiệp, cho từng ngành nghề, và cho từng khách hàng cụ thể***

- Xác định “khẩu vị” rủi ro mà chi nhánh có thể chấp nhận được: ABBank Quảng Nam phân đầu nợ xấu cho vay doanh nghiệp ở dưới mức 2% trong năm 2015, và tiếp tục giảm trong những năm đến.

- Xác định giới hạn dư nợ đối với các ngành nghề có rủi ro cao.

- Xác định giới hạn dư nợ của mỗi doanh nghiệp vay vốn

**3.2.2. Hoàn thiện phương thức ngăn ngừa rủi ro**

***a. Nâng cao chất lượng tài sản đảm bảo***

- Thu thập thông tin chính xác phục vụ công tác định giá tài sản đảm bảo.

- Thẩm định tính hợp pháp của tài sản đảm bảo.

- Kiểm tra cẩn thận chứng từ bảo hiểm của tài sản đảm bảo đối với các tài sản mà pháp luật quy định bắt buộc mua bảo hiểm.

- Định giá chính xác tài sản đảm bảo, định giá lại tài sản đảm bảo định kỳ và ngay khi có dấu hiệu xuống giá trên thị trường.

- Thường xuyên kiểm tra chất lượng của tài sản đảm bảo.

- Chi nhánh không được có tâm lý ỷ lại vào tài sản đảm bảo mà phải chú trọng đến công tác thẩm định và sàng lọc khách hàng.

- Thành lập bộ phận chuyên trách định giá, xử lý tài sản đảm bảo.

***b. Kiểm tra, giám sát vốn tự có tham gia vào PASXKD/DAĐT***

- Quy định lại cụ thể số vốn tự có tham gia vào PASXKD/DAĐT của chi nhánh. Nên giao cho cán bộ tín dụng quyền linh động điều chỉnh vốn tự có tham gia trong biên độ cho phép phù hợp với tình hình rủi ro thực tế của từng doanh nghiệp.

- Phải xuống thực tế để kiểm tra giám sát công tác góp vốn tự có của doanh nghiệp vào PASXKD/DAĐT.

***c. Kiểm tra, kiểm soát sau cho vay***

- Thông qua khảo sát tại hiện trường để biết khách hàng có sử dụng vốn vay đúng mục đích hay không.

- Thông qua hồ sơ chứng từ để kiểm soát các nguồn thu từ hoạt động đầu tư vốn vay mang lại có đảm bảo nguồn trả nợ cho ngân hàng hay không.

**3.2.3. Hoàn thiện phương thức giảm thiểu rủi ro**

***a, Phát huy tối đa vai trò của hợp đồng tín dụng***

- Nghiên cứu phát huy vai trò của hợp đồng tín dụng.

- Điều chỉnh hợp đồng tín dụng của hội sở để cho ra mẫu hợp đồng tín dụng của chi nhánh.

- Nâng cao hiệu quả việc sử dụng các điều khoản hạn chế của hợp đồng tín dụng.

***b, Hoàn thiện công tác trích lập dự phòng rủi ro của chi nhánh***

Chi nhánh cần có những hoạch định về tài chính trong dài hạn để có thể chủ động trích dự phòng rủi ro kịp thời trong mọi trường hợp.

**3.2.4. Hoàn thiện phương thức chuyển giao rủi ro**

***a. Đẩy mạnh mua bảo hiểm tài sản, mua bảo hiểm tín dụng***

- Khuyến khích khách hàng mua bảo hiểm tín dụng cho hợp đồng vay vốn của mình.

- Bắt buộc các khách hàng có chất lượng tín dụng thấp mua bảo hiểm cho tài sản đảm bảo, tài sản hình thành từ vốn vay.

- Liên kết với các công ty bảo hiểm để bán chéo sản phẩm.

***b. Sử dụng công cụ phái sinh***

- Yêu cầu doanh nghiệp sử dụng các sản phẩm phái sinh hàng hóa ở mức độ đơn giản.

- Đề xuất lên hội sở để sử dụng các sản phẩm phái sinh tín dụng cho một số khoản nợ có rủi ro cao. Ví dụ như hợp đồng quyền tín dụng (credit options) hoặc hợp đồng hoán đổi tín dụng (credit swap).

**3.2.5. Các biện pháp hỗ trợ cho hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng**

***a. Tập trung cho nhân sự cả về số lượng lẫn chất lượng***

- Gấp rút tuyển dụng thêm nhân sự.

- Tiêu chuẩn hóa chất lượng nhân sự.

- Đào tạo nâng cao chất lượng nghiệp vụ cho đội ngũ nhân sự.

- Bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp.



***b. Hoàn thiện công tác thu thập và xử lý thông tin khách hàng***

- Xây dựng bộ phận thu thập, xử lý, hệ thống hóa và cập nhật thông tin về: giá cả, thị trường, tình hình phát triển các ngành nghề...

- Cán bộ tin dụng phải có chứng chỉ nghiệp vụ kế toán, thông thạo việc đọc các báo cáo tài chính.

***c. Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp và lâu bền đối với khách hàng***

- Có những chính sách ưu đãi đối với khách hàng lâu năm

- Có chính sách chăm sóc đặc biệt đối với khách hàng vip.

**3.3. KIẾN NGHỊ****3.3.1. Kiến nghị đối với hội sở chính****3.3.2. Kiến nghị đối với ngân hàng nhà nước****3.3.3. Kiến nghị đối với chính phủ****KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

## KẾT LUẬN

Nói đến nợ xấu luôn là vấn đề đau đầu của hệ thống ngân hàng thương mại trong nhiều năm qua. Và hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng luôn là mục tiêu hàng đầu của tất cả các ngân hàng thương mại. Nhận thức được vấn đề đó, ngân hàng thương mại cổ phần An Bình chi nhánh Quảng Nam đã tập trung nguồn lực cho hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng của chi nhánh, đặc biệt là đối với cho vay khách hàng doanh nghiệp và bước đầu đạt được những kết quả khả quan.

Đề tài đã hệ thống hóa đầy đủ những cơ sở lý thuyết cho hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại, qua đó làm cơ sở để phân tích thực trạng hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại cổ phần An Bình chi nhánh Quảng Nam qua 3 năm 2012-2014. Qua đánh giá bước đầu thì hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng của chi nhánh đã đạt được những mục tiêu đề ra. Nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng, giảm thiểu nợ xấu của danh mục cho vay mà không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận kỳ vọng của chi nhánh. Tuy nhiên do nhiều nguyên nhân khác nhau mà chi nhánh vẫn còn tồn tại một số hạn chế trong hoạt động kiểm soát rủi ro của mình. Đây cũng là căn cứ để tác giả đề xuất một số giải pháp phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của chi nhánh nhằm hoàn thiện hơn nữa hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong thời gian đến.

Vấn đề nợ xấu và vấn đề kiểm soát rủi ro tín dụng vẫn luôn là vấn đề nóng của hệ thống ngân hàng thương mại. Hy vọng trong thời gian tới, NHNN cũng như Chính phủ sẽ đưa ra nhiều chủ trương sát thực nhằm hỗ trợ cho các ngân hàng thương mại tái cấu trúc lại hệ thống và nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng nói riêng cũng như hoạt động kinh doanh nói chung của ngân hàng.